

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2022/HNGĐ - ST**
Ngày: 08 - 4- 2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa
2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 410/2021/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXX - ST ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Minh N, sinh năm 1996 (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Anh Võ Văn U, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Minh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Võ Văn U tự nguyện chung sống với nhau có kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. Quá trình chung sống vợ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh U thường xuyên ăn nhậu về nhà chửi bới đánh đập chị N nhiều lần. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được,

không thể tiếp tục chung sống kéo dài nên chị N đã sống ly thân với anh U từ tháng 6/2021. Hiện nay chị N không còn tình cảm với anh U nên yêu cầu được ly hôn với anh U để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị N và anh U có 02 con chung là cháu Võ Thị Trúc M, sinh năm 2015 và cháu Võ Thị Ái X, sinh năm 2017. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M, cháu X cho đến khi các cháu thành niên và không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh U không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, trích lục kết hôn, bản sao chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu, 02 bản sao giấy khai sinh. Ngoài ra, chị N không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Bị đơn anh Võ Văn U trình bày:

Anh U thống nhất với lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân. Anh U và chị N tự nguyện chung sống với nhau có kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. Quá trình chung sống, chúng tôi sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có mâu thuẫn cãi nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Thỉnh thoảng anh U cũng có đi nhậu với bạn bè nhưng chỉ đánh chị N có một lần thì chị N bỏ nhà đi cho tới nay. Tuy nhiên, hiện nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh U đồng ý.

Về con chung: Anh U và chị N có 02 con chung là cháu Võ Thị Trúc M, sinh năm 2015 và cháu Võ Thị Ái X, sinh năm 2017. Khi ly hôn anh U có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M, cháu X cho đến khi các cháu thành niên và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh U và chị N không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh U không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Ngô Thị Minh N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn anh U đồng ý ly hôn với chị N và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M, cháu X cho đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Võ Thị Trúc M, sinh năm 2015 cho chị Ngô Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; giao cháu Võ Thị Ái X, sinh năm 2017 cho anh Võ Văn U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho tới khi cháu X đủ 18 tuổi.

Về nợ chung, tài sản chung: Chị N và anh U không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của chị Ngô Thị Minh N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Võ Văn U. Hiện anh U đang cư trú tại thôn 8, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh U tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. Điều này phù hợp với trích lục kết hôn số 546/TLKH -BS ngày 26/8/2020 của Ủy ban nhân dân xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An mà chị N đã giao nộp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh U là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Theo lời trình bày của chị N trong quá trình chung sống với anh U giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn do anh U thường xuyên đi nhậu về chửi bới đánh đập chị N. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021. Quá trình giải quyết vụ án chị N xác định không còn tình cảm với anh U nên cương quyết muốn ly hôn với anh U. Tại phiên tòa, anh U cũng đồng ý ly hôn với chị N. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của chị N.

Về con chung: Anh U và chị N có 02 con chung là cháu Võ Thị Trúc M, sinh năm 2015 và cháu Võ Thị Ái X, sinh năm 2017. Chị N và anh U đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M và cháu X sau khi ly hôn. Xét thấy, chị N và anh U có điều kiện về vật chất và tinh thần là như nhau nên cần giao cho chị N và anh U mỗi người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc một con chung là phù hợp. Qua làm việc với cháu M thì cháu M có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Do đó, cần giao cháu M cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M thành niên. Giao cháu X cho anh U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu X thành niên.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh U không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh U xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Minh N về việc ly hôn. Chị N được ly hôn với anh Võ Văn U.

[2] Về con chung:

Giao cháu Võ Thị Trúc M, sinh ngày 31/01/2015 cho chị Ngô Thị Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Mai đủ 18 tuổi.

Giao cháu Võ Thị Ái X, sinh ngày 11/01/2017 cho anh Võ Văn U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh U không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Ngô Thị Minh N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000126 ngày 22/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[6] Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào